

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 9 năm 2025

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Kiến trúc**

Mã ngành: **8580101**

Trình độ: **Thạc sĩ**

I. THÔNG TIN NGÀNH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN MỞ

Tên ngành: **Kiến trúc**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

Mã ngành: **8580101**

Thời gian đào tạo: 2 năm

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

II. ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kiến trúc được xây dựng từ tháng 05/2025 đến tháng 10/2025 với đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 3, Điều 8, Điều 9, đảm bảo đủ các điều kiện để mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 16/2024/TT-BGDĐT ngày 20/11/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

A. ĐIỀU KIỆN CHUNG

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN
1. Ngành đào tạo và trình độ đào tạo		
a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo.	Quyết định số 329/QĐ-ĐHXDMT ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành “Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục”. Khoa Kiến trúc đã tiến hành khảo sát “ý kiến các bên liên quan Về nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành kiến trúc trình độ thạc sĩ” như thể	Đáp ứng Đáp ứng

	hiện trong Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo. Tập hồ sơ này thể hiện: a) Nhu cầu đào tạo và nhân lực phục vụ thị trường; b) Khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Kiến trúc trình độ thạc sĩ; c) Xu hướng phát triển ngành Kiến trúc trên thế giới; d) Sự phù hợp với sự phát triển ngành, trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo; e) Sự phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.																													
b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo	Có trong danh mục của Bộ GDĐT, mã số: 8580101	Đáp ứng																												
2. Đội ngũ giảng viên																														
a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo, giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo	<table><tr><th colspan="2">Giảng viên toàn thời gian</th></tr><tr><td>1</td><td>Nguyễn Vũ Phương 14/02/1971</td></tr><tr><td>2</td><td>Phạm Phi Phụng 01/01/1987</td></tr><tr><td>3</td><td>Nguyễn Văn Nguyên 28/04/1974</td></tr><tr><td>4</td><td>Huỳnh Trọng Nhân 25/11/1987</td></tr><tr><td>5</td><td>Lê Hoài Bảo 20/08/1991</td></tr><tr><td>6</td><td>Lê Ngọc Cần 08/6/1958</td></tr><tr><td>7</td><td>Trương Công Bằng 09/12/1978</td></tr><tr><td>8</td><td>Trương Thị Hồng Nga 07/11/1977</td></tr><tr><td>9</td><td>Nguyễn Thị Trang, 21/08/1981</td></tr><tr><td>10</td><td>Nguyễn Thị Ngọc Hạnh 11/02/1984</td></tr><tr><td>11</td><td>Ngô Văn Thúc 20/07/1990</td></tr><tr><td>12</td><td>Nguyễn Văn Tho 31/12/1978</td></tr><tr><td>13</td><td>Lương Phước Toàn</td></tr></table>	Giảng viên toàn thời gian		1	Nguyễn Vũ Phương 14/02/1971	2	Phạm Phi Phụng 01/01/1987	3	Nguyễn Văn Nguyên 28/04/1974	4	Huỳnh Trọng Nhân 25/11/1987	5	Lê Hoài Bảo 20/08/1991	6	Lê Ngọc Cần 08/6/1958	7	Trương Công Bằng 09/12/1978	8	Trương Thị Hồng Nga 07/11/1977	9	Nguyễn Thị Trang, 21/08/1981	10	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh 11/02/1984	11	Ngô Văn Thúc 20/07/1990	12	Nguyễn Văn Tho 31/12/1978	13	Lương Phước Toàn	Đáp ứng
Giảng viên toàn thời gian																														
1	Nguyễn Vũ Phương 14/02/1971																													
2	Phạm Phi Phụng 01/01/1987																													
3	Nguyễn Văn Nguyên 28/04/1974																													
4	Huỳnh Trọng Nhân 25/11/1987																													
5	Lê Hoài Bảo 20/08/1991																													
6	Lê Ngọc Cần 08/6/1958																													
7	Trương Công Bằng 09/12/1978																													
8	Trương Thị Hồng Nga 07/11/1977																													
9	Nguyễn Thị Trang, 21/08/1981																													
10	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh 11/02/1984																													
11	Ngô Văn Thúc 20/07/1990																													
12	Nguyễn Văn Tho 31/12/1978																													
13	Lương Phước Toàn																													

		08/04/1982	
	14	Nguyễn Quốc Hậu 01/01/1983	
	15	Đỗ Thị Mỹ Dung 06/06/1983	
	16	Lâm Thanh Quang Khải 24/01/1982	
3. Cơ sở vật chất			
a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định tại Thông tư này	Biên bản thẩm định CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kiến trúc của Hội đồng thẩm định CTĐT ngày 13/9/2025. Bản xác nhận điều kiện thực tế của Cơ sở đào tạo ngày 19/9/2025.		Đáp ứng
b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học	Biên bản thẩm định CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kiến trúc của Hội đồng thẩm định CTĐT ngày 13/9/2025. Bản xác nhận điều kiện thực tế của Cơ sở đào tạo ngày 19/9/2025.		Đáp ứng
c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học	Biên bản ghi nhớ giữa Trường ĐHXDMT và Công ty Aureole, ngày 30/3/2022; Thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, xây dựng, hướng nghiệp, các hoạt động văn hóa xã hội và		Đáp ứng

	hỗ trợ sinh viên giữa Trường ĐHXDMT và Công ty CP Tập đoàn VSETGROUP, ngày 25/4/2021; Biên bản ghi nhớ giữa Jetking, MTU và INOMAS, ngày 28/5/2020; Biên bản Ghi nhớ giữa Đại học Quốc lập Trung ương Đài Loan và Đại học Xây dựng Miền Tây, ngày 15/4/2019; Thỏa thuận hợp tác về đào tạo Tiếng Nhật và giới thiệu tuyển dụng việc làm tại Nhật Bản giữa Trường Đại học Xây dựng Miền Tây và Công ty TNHH Đào tạo Nhân lực Tsubaki, ngày 13/6/2019; Biên bản ghi nhớ hợp tác liên quan đến thực hiện đào tạo và tổ chức thi đánh giá kỹ năng liên quan đến phái cử, tiếp nhận tu nghiệp sinh kỹ năng đặc định người nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng, ngày 30/9/2019; Hợp đồng + Phụ lục hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết đào tạo và phái cử lao động, ngày 03/12/2019; Biên bản ghi nhớ về hợp tác học thuật và nghiên cứu khoa học giữa Đại học Chung Hsing và Đại học Xây dựng Miền Tây, ngày 24/12/2019.	
--	--	--

3
C
IG
Y

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo	Trường có thư viện truyền thống đủ chỗ cho hơn 200 sinh viên hàng ngày đến đọc sách và tra cứu, có cổng thông tin thư viện: http://thuvien.mtu.edu.vn .	Đáp ứng
đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật	Trang thông tin điện tử của Trường www.mtu.edu.vn có đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định.	Đáp ứng
4. Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	Báo cáo khảo sát ý kiến các bên liên quan 08/BC-KKT ngày 10 tháng 06 năm 2025 về nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành Kiến trúc trình độ thạc sĩ. Quyết định 339/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/7/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Tây về việc giao nhiệm vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo. Quyết định 347/QĐ-ĐHXDMT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Tây về việc thành lập Hội đồng xây dựng Đề án mở ngành. Quyết định 351/QĐ-ĐHXDMT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Tây về việc thành lập Tổ soạn thảo CTĐT. Báo cáo khảo sát ý kiến các bên liên quan 09/BC-KKT	Đáp ứng

	ngày 23 tháng 07 năm 2025 về việc Khảo sát của các bên liên quan về CĐR, CTĐT ngành Kiến trúc trình độ thạc sĩ. Biên bản 15/BB-KKT ngày 15 tháng 07 năm 2025 về việc Biên bản họp đánh giá CTĐT của HĐKHĐT cấp Khoa và khách mời chuyên gia của ngành Kiến trúc trình độ thạc sĩ. Biên bản 17/BB-KKT ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc giải trình ý kiến các bên liên quan trong hội thảo Hội thảo xin ý kiến các bên liên quan về CTĐT, CĐR, và ĐCCT. Quyết định 460/QĐ-ĐHXDMT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Tây về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT. Biên bản 22/BB-KKT ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc giải trình điều chỉnh và sửa chữa ý kiến của chuyên gia trong cuộc họp thẩm định ngành Kiến trúc trình độ thạc sĩ. Biên bản xác nhận kết quả giải trình, chỉnh sửa của Chủ tịch hội đồng thẩm định ngày 15 tháng 9 năm 2025. Quyết định 530/QĐ-ĐHXDMT ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Tây về	
--	---	--

	việc QĐ ban hành bộ CTĐT (bao gồm: CTĐT gồm có CDR của CTĐT, Bản mô tả CTĐT, Khung CTDH, ĐCCT học phần)	
5. Cơ sở đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở	Khoa Kiến trúc được thành lập theo Quyết định số 337/QĐ-ĐHXDMT ngày 10/8/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.	Đáp ứng
6. Cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định	Quyết định số 336/QĐ-ĐHXDMT ngày 19/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây Ban hành tổ chức hoạt động giảng dạy, bảo vệ Đề án tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến; Quyết định số 622/QĐ-ĐHXDMT ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây Ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến.	Đáp ứng
7. Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo. Trong trường hợp cơ sở đào tạo chưa có hội đồng trường phải có văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở đào tạo	Nghị quyết Số 22/NQ-HĐTr, ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch HĐ Trường về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo Kiến trúc trình độ thạc sĩ.	Đáp ứng

B. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN
1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở	1. PGS.TS. Nguyễn Vũ Phương, tiến sĩ Kiến trúc, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2006,	Đáp ứng

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN
ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	được phong Phó Giáo sư năm 2015. Có hơn 20 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, chủ trì và tham gia 07 đề tài cấp Bộ, với nhiều công trình nghiên cứu trong lĩnh vực kiến trúc.	
2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.	* Giảng viên cơ hữu: 1. PGS.TS. Nguyễn Vũ Phương, tiến sĩ Kiến trúc, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2006, được phong Phó Giáo sư năm 2015. Có hơn 20 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, chủ trì và tham gia 07 đề tài cấp Bộ, với nhiều công trình nghiên cứu trong lĩnh vực kiến trúc. 2. TS. Phạm Phi Phương, tiến sĩ Kiến trúc, tốt nghiệp tại Hàn Quốc năm 2022. Có 04 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong lĩnh vực kiến trúc. 3. TS. Nguyễn Văn Nguyên, tiến sĩ Kiến trúc, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2024. Có 02 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 04 công trình nghiên	Đáp ứng

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN
	cứu khoa học cấp cơ sở trong lĩnh vực kiến trúc. 4. TS. Huỳnh Trọng Nhân, tiến sĩ Quản lý đô thị và công trình, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2023. Có 03 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. 5. TS. Lê Hoài Bảo, tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2024. Có 02 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, có kinh nghiệm giảng dạy các học phần về nghiên cứu khoa học, vật liệu mới liên quan ngành thạc sĩ Kiến trúc. 6. TS. Lê Ngọc Cẩn, tiến sĩ Quy hoạch đô thị và công trình, tốt nghiệp tại Việt Nam. Có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy ngành Kiến trúc và Quản lý đô thị và công trình, có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý đào tạo. Vai trò tham gia tư vấn xây dựng Chương trình đào tạo. 7. TS. Trương Công Bằng, tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2023. Có 03 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 02 đề tài cấp Bộ và 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.	

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN
	8. TS. Trương Thị Hồng Nga, sinh năm 1977, tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2019. Có 07 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận chính trị. 9. TS. Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1981, tiến sĩ Triết học, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2018. Có 08 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận chính trị. 10. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm 1984, thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2014. Có 12 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 11 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. 11. TS. Ngô Văn Thức, sinh năm 1990, tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2021. Có 05 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 04 đề tài cấp Bộ và 02 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. 12. TS. Nguyễn Văn Tho, sinh năm 1978, tiến sĩ Khoa học môi trường, tốt nghiệp tại Ý năm 2015. Có 11 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 02 đề tài cấp Bộ và 01 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.	

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN						
	13. TS. Lương Phước Toàn, sinh năm 1982, tiến sĩ Vật lý địa cầu, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2018. Có 08 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 02 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. 14. TS. Nguyễn Quốc Hậu, sinh năm 1983, tiến sĩ Quản lý đất đai, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2022. Có 04 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 06 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. 15. TS. Đỗ Thị Mỹ Dung, sinh năm 1983, tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2017. Có 09 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 03 đề tài cấp Bộ và 08 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. 16. TS. Lâm Thanh Quang Khải, sinh năm 1982, tiến sĩ Kỹ thuật xây dựng, tốt nghiệp tại Việt Nam năm 2019. Có 07 năm kinh nghiệm giảng dạy thạc sĩ, tham gia 03 đề tài cấp Bộ và 03 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. * Giảng viên thỉnh giảng:							
3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của	<table><tr><td>1</td><td>Nguyễn Vũ Phương 14/02/1971</td></tr><tr><td>2</td><td>Phạm Phi Phượng 01/01/1987</td></tr><tr><td>3</td><td>Nguyễn Văn Nguyên 28/04/1974</td></tr></table>	1	Nguyễn Vũ Phương 14/02/1971	2	Phạm Phi Phượng 01/01/1987	3	Nguyễn Văn Nguyên 28/04/1974	Đáp ứng
1	Nguyễn Vũ Phương 14/02/1971							
2	Phạm Phi Phượng 01/01/1987							
3	Nguyễn Văn Nguyên 28/04/1974							

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ		KẾT LUẬN
chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.	4	Huỳnh Trọng Nhân 25/11/1987	Xem chi tiết Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong “XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO” ngày 19 tháng 9 năm 2025.
	5	Lê Hoài Bảo 20/08/1991	
	6	Lê Ngọc Cẩn 08/6/1958	
	7	Trương Công Bằng 09/12/1978	
	8	Trương Thị Hồng Nga 07/11/1977	
	9	Nguyễn Thị Trang, 21/08/1981	
	10	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh 11/02/1984	
	11	Ngô Văn Thúc 20/07/1990	
	12	Nguyễn Văn Tho 31/12/1978	
	13	Lương Phước Toàn 08/04/1982	
	14	Nguyễn Quốc Hậu 01/01/1983	
	15	Đỗ Thị Mỹ Dung 06/06/1983	
	16	Lâm Thanh Quang Khải 24/01/1982	

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN																																															
năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.	<table> <tr> <td>4</td><td>Phòng học dưới 50 chỗ</td><td>34</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Phòng mỹ thuật, họa thất</td><td>03</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Phòng máy tính</td><td>05</td></tr> <tr> <td>7</td><td>Phòng học ngoại ngữ</td><td>4</td></tr> <tr> <td>8</td><td>Phòng thí nghiệm</td><td>1</td></tr> <tr> <td rowspan="11">9</td><td>Thư viện và trung tâm học liệu</td><td>01</td></tr> <tr> <td>- Không gian sinh hoạt cộng đồng</td><td>02</td></tr> <tr> <td>- Không gian tra cứu và đọc sách</td><td>02</td></tr> <tr> <td>- Khu vực đọc sách ngoài trời</td><td>01</td></tr> <tr> <td>- Phòng học nhóm</td><td>06</td></tr> <tr> <td>- Phòng hội thảo</td><td>01</td></tr> <tr> <td>- Phòng quản lý, nghiệp vụ</td><td></td></tr> <tr> <td>- Số lượng sách</td><td>27936</td></tr> <tr> <td>- Số lượng báo, tạp chí</td><td>7860</td></tr> <tr> <td>- Số lượng Ebook</td><td>2334</td></tr> <tr> <td>- Số lượng cơ sở dữ liệu</td><td>1</td></tr> <tr> <td>10</td><td>Nhà ăn SV</td><td>1</td></tr> <tr> <td>11</td><td>Nhà tập đa năng</td><td>2</td></tr> <tr> <td>12</td><td>Sân bóng, sân thể dục thể thao</td><td>4</td></tr> </table>	4	Phòng học dưới 50 chỗ	34	5	Phòng mỹ thuật, họa thất	03	6	Phòng máy tính	05	7	Phòng học ngoại ngữ	4	8	Phòng thí nghiệm	1	9	Thư viện và trung tâm học liệu	01	- Không gian sinh hoạt cộng đồng	02	- Không gian tra cứu và đọc sách	02	- Khu vực đọc sách ngoài trời	01	- Phòng học nhóm	06	- Phòng hội thảo	01	- Phòng quản lý, nghiệp vụ		- Số lượng sách	27936	- Số lượng báo, tạp chí	7860	- Số lượng Ebook	2334	- Số lượng cơ sở dữ liệu	1	10	Nhà ăn SV	1	11	Nhà tập đa năng	2	12	Sân bóng, sân thể dục thể thao	4	
4	Phòng học dưới 50 chỗ	34																																															
5	Phòng mỹ thuật, họa thất	03																																															
6	Phòng máy tính	05																																															
7	Phòng học ngoại ngữ	4																																															
8	Phòng thí nghiệm	1																																															
9	Thư viện và trung tâm học liệu	01																																															
	- Không gian sinh hoạt cộng đồng	02																																															
	- Không gian tra cứu và đọc sách	02																																															
	- Khu vực đọc sách ngoài trời	01																																															
	- Phòng học nhóm	06																																															
	- Phòng hội thảo	01																																															
	- Phòng quản lý, nghiệp vụ																																																
	- Số lượng sách	27936																																															
	- Số lượng báo, tạp chí	7860																																															
	- Số lượng Ebook	2334																																															
	- Số lượng cơ sở dữ liệu	1																																															
10	Nhà ăn SV	1																																															
11	Nhà tập đa năng	2																																															
12	Sân bóng, sân thể dục thể thao	4																																															
	Tài liệu học tập cho SV ngành có tại thư viện https://mtu.edu.vn/ và được chi tiết Mẫu 7: Thư viện trong “XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO” ngày 19 tháng 9 năm 2025.	Đáp ứng																																															
	Phòng thí nghiệm phụ vụ học tập và nghiên cứu xem chi tiết Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực	Đáp ứng																																															

ĐIỀU KIỆN	HỒ SƠ	KẾT LUẬN
	tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở trong “XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO” ngày 19 tháng 9 năm 2025.	

Trên cơ sở kết quả đánh giá các điều kiện mở ngành đào tạo cho thấy Hồ sơ đề án mở ngành Kiến trúc trình độ thạc sĩ đáp ứng các điều kiện mở ngành theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư 16/2024/TT-BGDĐT ngày 20/11/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- HĐ KH&ĐT;
- P. QLĐT
- Lưu: VT, Khoa KKT

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Thị Tâm Đan

